

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn của UBND thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM ngày 27/8/2020;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1106/UBND ngày 19/11/2020 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1145/TTr-STNMT ngày 08/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo ĐTM của dự án Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. UBND thị xã An Nhơn có trách nhiệm

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án tại trụ sở UBND các xã Nhơn An, Nhơn Phong theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố, rủi ro môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do quá trình triển khai hoạt động dự án gây ra.

4. Trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM nếu dự án không được triển khai, chủ dự án phải lập lại báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND các xã: Nhơn An, Nhơn Phong;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KÈ THUẬN THÁI, XÃ NHƠN AN, THỊ XÃ AN NHƠN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2020 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.

1.2. Chủ đầu tư: UBND thị xã An Nhơn.

1.3. Địa chỉ trụ sở: Số 78 Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.4. Phạm vi, quy mô và các hạng mục công trình chính của dự án:

Công trình Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn thuộc bờ hữu nhánh sông Đập Đá của hệ thống sông Côn. Tổng chiều dài tuyến kè là 3.072,2m. Cụ thể:

- Giai đoạn 1: từ Cầu Nhơn Thành đến Cầu Mương Đồi Mới với tổng chiều dài 1.135,7 m.

- Giai đoạn 2: từ Cầu Bằng Châu đến Cầu Nhơn Thành với tổng chiều dài 1.936,5 m.

1.5. Các hạng mục công trình chính của dự án: kè bê tông, cống tưới, tiêu, tuyến đường giao thông trên thân kè.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ giai đoạn thi công xây dựng dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn, chất thải nguy hại, bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung.

Tác động không liên quan đến chất thải: thay đổi cảnh quan, thay đổi dòng chảy, nguy cơ sạt lở hạ lưu, giảm khả năng thoát lũ, tăng mực nước thượng lưu, thay đổi hệ sinh thái.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân khoảng 4,05 m³/ngày và nước thải từ quá trình xây dựng (trộn bê tông, rửa dụng cụ, thiết bị thi công) khoảng 3,5 m³/ngày.

- Tính chất nước thải: nước thải sinh hoạt có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao; nước thải từ quá trình xây dựng có hàm lượng chất thải rắn lơ lửng cao.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: bụi từ quá trình đào đắp, san lấp mặt bằng; bụi khí thải từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, đất đắp thải; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ các máy móc, thiết bị thi công.

- Giai đoạn hoạt động: bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Tính chất của bụi, khí thải: ở trạng thái rắn, khí.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn (CTR) thông thường

- CTR sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của công nhân (chất hữu cơ, ni lông, giấy,...) với khối lượng khoảng 61,64 kg/ngày.

- Tính chất của CTR: CTR sinh hoạt có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy gây ruồi, muỗi, mùi hôi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

- CTNH trong hoạt động xây dựng: (gồm: các loại vật dụng nhiễm dầu thải (giẻ lau, bao bì), bóng đèn huỳnh quang thải, dầu nhớt thải, pin, ắc quy thải,...) phát sinh trong toàn bộ quá trình xây dựng với khối lượng khoảng 38 kg.

- Tính chất CTNH: có chứa yếu tố độc hại, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn.

2.6. Quy mô, tính chất các tác động không liên quan đến chất thải

Gây sự xáo trộn, làm thay đổi môi trường sống của một số loài thủy sinh, thu hẹp diện tích cây trồng; giảm khả năng thoát lũ của sông và tăng tốc độ dòng chảy trên sông trong giai đoạn thi công dự án.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn thi công dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Nước mưa chảy tràn cuốn trôi đất, cát thải: chủ dự án tạo các mương thoát nước tạm thời để lắng chất thải rắn lơ lửng trước khi dẫn ra sông; định kỳ kiểm tra, nạo vét các rãnh thoát nước, thu dọn vật liệu để nước không cuốn trôi chất thải rắn lơ lửng vào mương gây tắc nghẽn.

b) Nước thải sinh hoạt: chủ đầu tư sử dụng nhà vệ sinh di động tại công trường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Định kỳ phun nước giảm thiểu bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu: vệ sinh sạch sẽ các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, chở đúng tải trọng cho phép trên từng tuyến đường, có bạt phủ kín không để rơi vãi.

- Đối với các bãi tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR thông thường

- CTR sinh hoạt: bố trí thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại những vị trí làm việc và khu nghỉ ngơi ăn uống, lán trại của công nhân để thu gom rác và giảm thiểu mùi hôi phát sinh. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Đất thải: bố trí 01 bãi thải tại khu đất trống (cách sông Đập Đá khoảng 30m) thuộc xã Nhơn Phong với diện tích khoảng 2.048 m² (chiều dài 64m, chiều rộng 32m), chiều cao đống thải là 2,5m và tạo các mương, rãnh xung quanh bãi thải để hạn chế nước mưa chảy tràn. Sau khi kết thúc dự án, sẽ tiến hành san gạt, đầm nén và tạo mặt bằng ngang với cao độ nền khu vực xung quanh và bàn giao cho địa phương.

- Chất thải nguy hại: bố trí các thùng chuyên dụng đặt gần khu vực lán trại (nền chống thấm, có mái che) để lưu chứa các loại chất thải nguy hại. Định kỳ 6 tháng/lần, hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và buổi tối. Các thiết bị gây tiếng ồn lớn sẽ không hoạt động vào thời gian từ 18h-6h.

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc thiết bị hư hỏng.

- Đặt các biển báo tại các khu vực thi công, biển cấm lưu thông, sơ đồ điều hướng lưu thông, điều tiết phương tiện giao thông.

3.5. Biện pháp giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

- Thi công dự án vào các tháng trong mùa khô để giảm thiểu các tác động liên quan đến chế độ thủy văn khu vực dự án.

- Tuân thủ các quy định về hành lang bảo vệ đê, kè.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Các dây dẫn điện trong công trường và của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện và đặt ở độ cao an toàn, thuận tiện cho việc thao tác.

- Bố trí thời gian và tiến độ thi công thích hợp với điều kiện khí hậu và thời tiết địa phương để tránh những sự cố đối với công trình như chập điện, đổ vỡ công trình, sạt lở...

4. Danh mục hạng mục bảo vệ môi trường chính trong giai đoạn thi công xây dựng của dự án

- Dụng cụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- 01 bãi thải diện tích khoảng 2.048 m², chiều cao đống thải là 2,5m.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Trong giai đoạn thi công của dự án

a) Giám sát sạt lở:

- Thường xuyên giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng sạt lở, xác định quy mô, mức độ sạt lở để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Vị trí giám sát: Khu vực tiếp giáp bờ sông, bãi tập kết và khu vực bãi đổ thải.

b) Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát hoạt động thu gom, lượng phát sinh, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Tần suất giám sát 03 tháng/lần.

5.2. Giám sát trong giai đoạn hoạt động: không thực hiện.